

Số: 62/BTTVSH-2025

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2025

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN SÔNG HỒNG - THÁI BÌNH

I. MỨC NƯỚC TẠI CÁC TRẠM

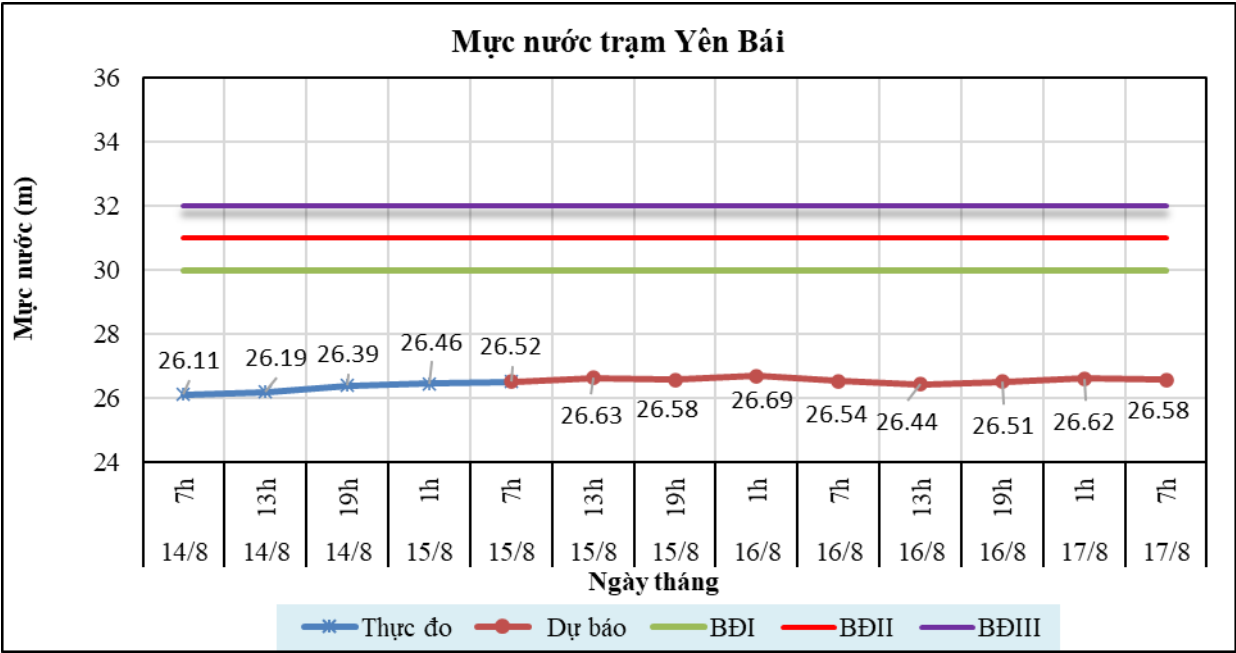
I.1. Trạm Yên Bái

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thao tại trạm Yên Bái tiếp tục có xu thế biến đổi.



Hình 1: Mức nước trạm Yên Bái

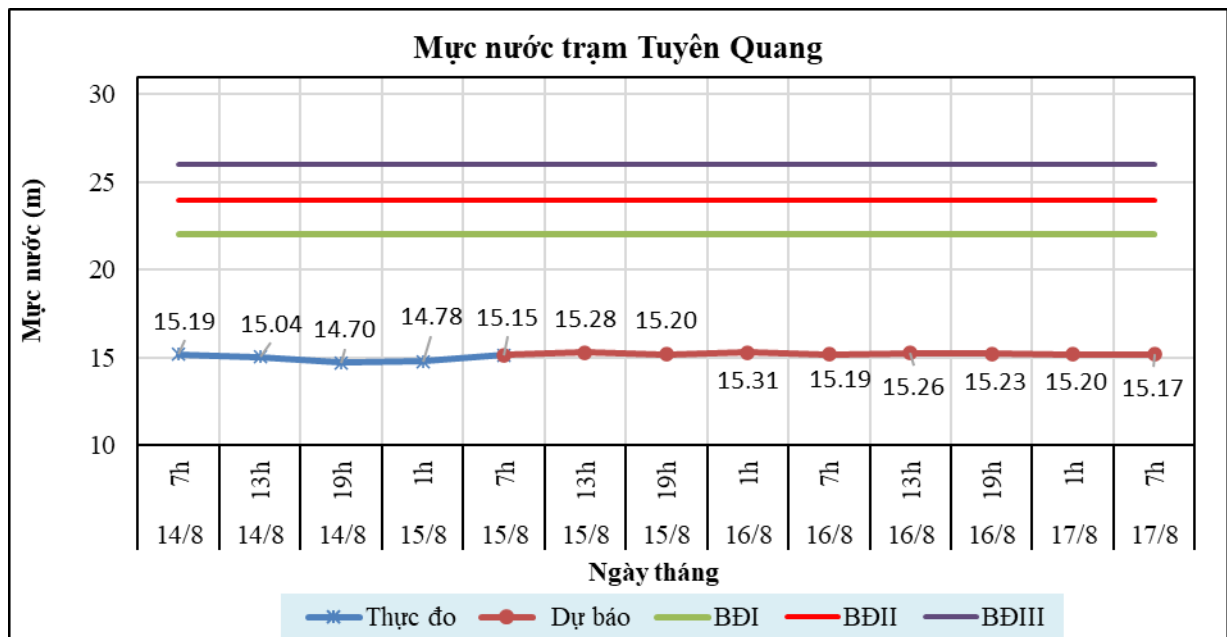
I.2. Trạm Tuyên Quang

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Lô tại trạm Tuyên Quang dao động theo điều tiết của hồ chứa.



Hình 2: Mức nước trạm Tuyên Quang

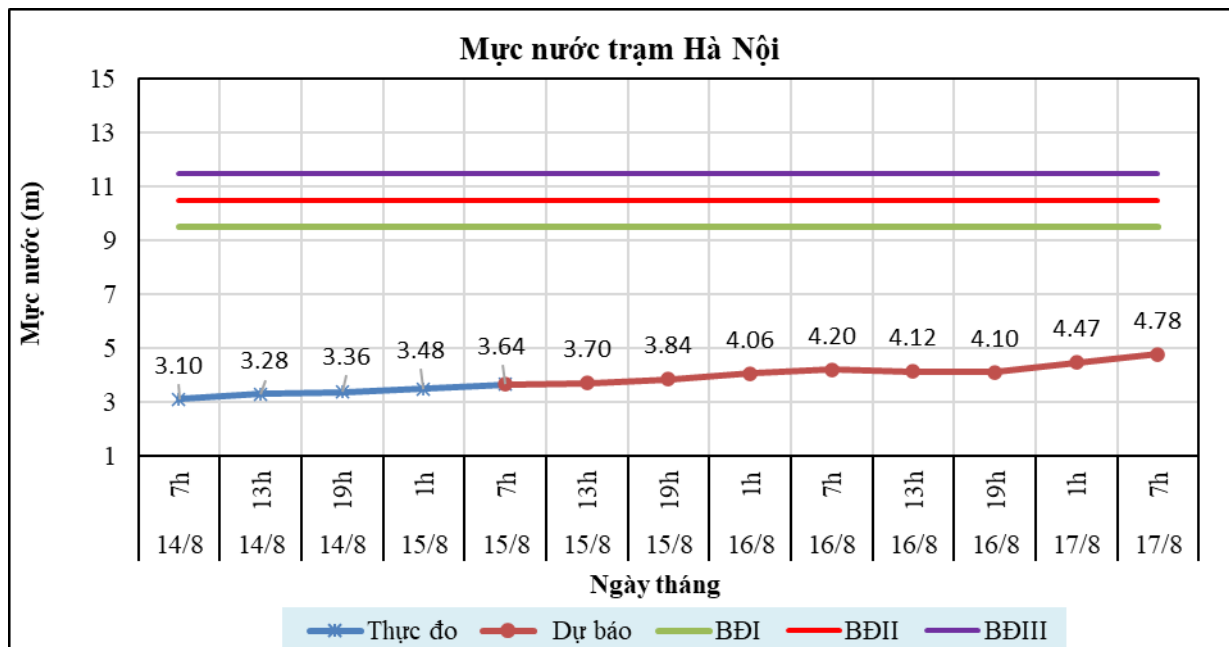
I.3. Trạm Hà Nội

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội có xu thế tăng.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Hồng tại trạm Hà Nội tiếp tục có xu thế tăng.



Hình 3: Mức nước trạm Hà Nội

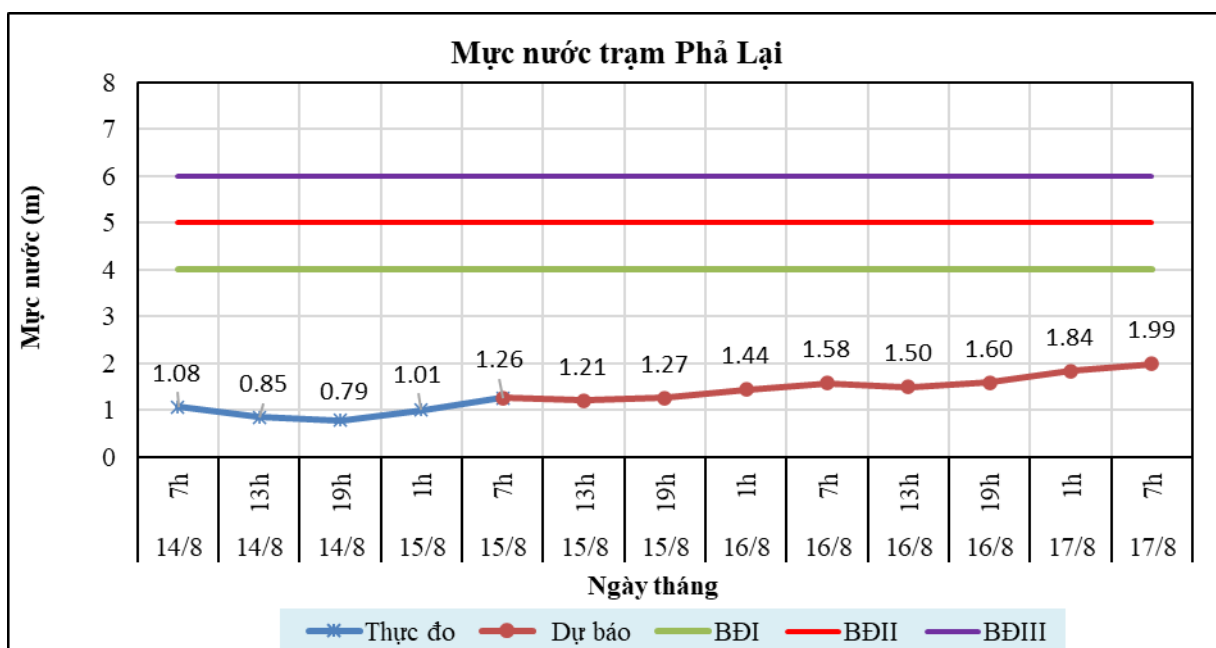
I.4. Trạm Phả Lại

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Thái Bình tại trạm Phả Lại tiếp tục có xu thế tăng.



Hình 4: Mức nước trạm Phả Lại

II. DỰ BÁO LƯU LƯỢNG, MỨC NƯỚC CÁC HỒ CHỨA

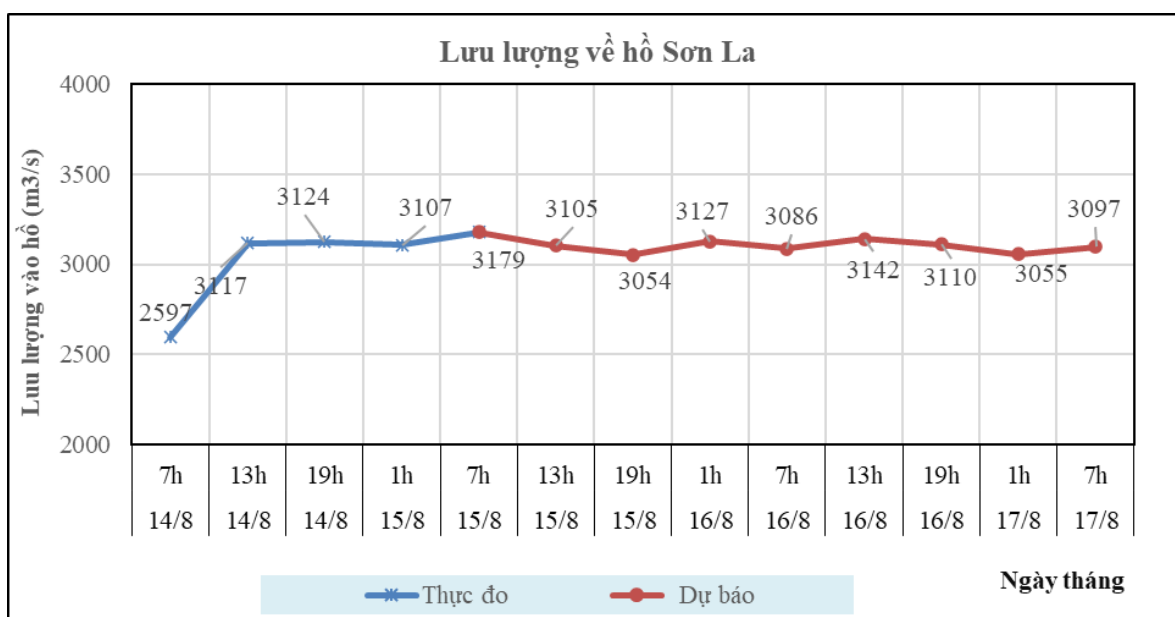
II.1. Hồ Sơn La

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

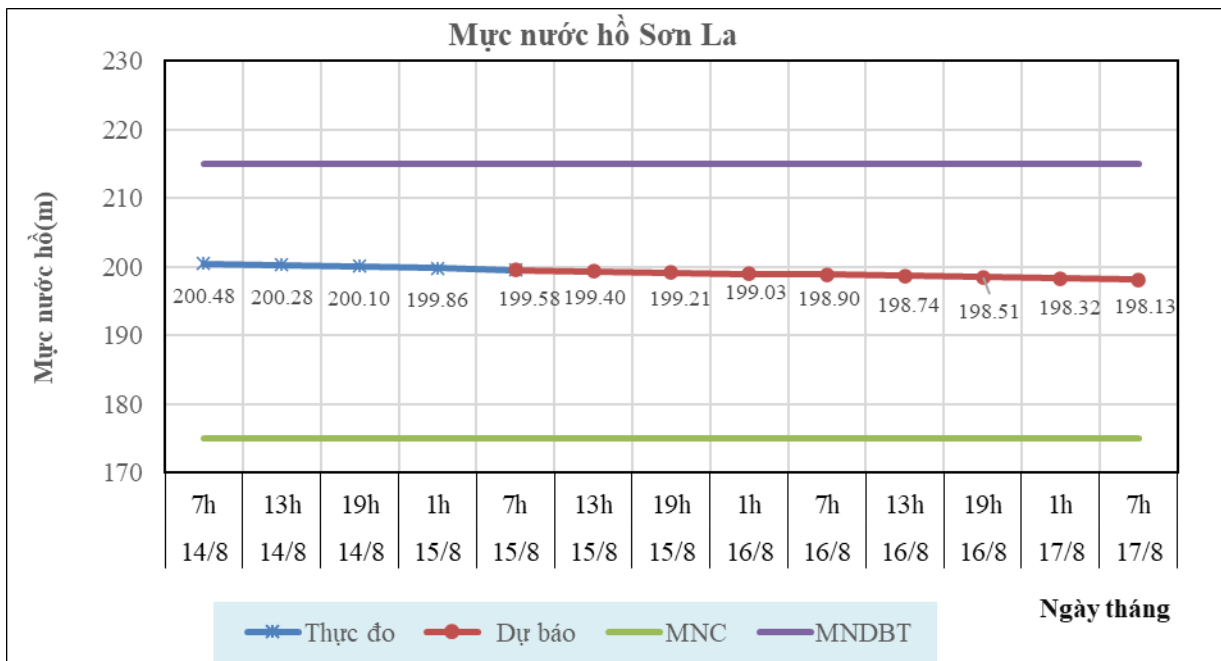
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 15/08/2025 đạt $3179\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 199,58m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế giảm.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $3086\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 198,90m, 48h tới lưu lượng đạt $3097\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 198,13m.



Hình 5: Lưu lượng hồ Sơn La



Hình 6: Mức nước hồ Sơn La

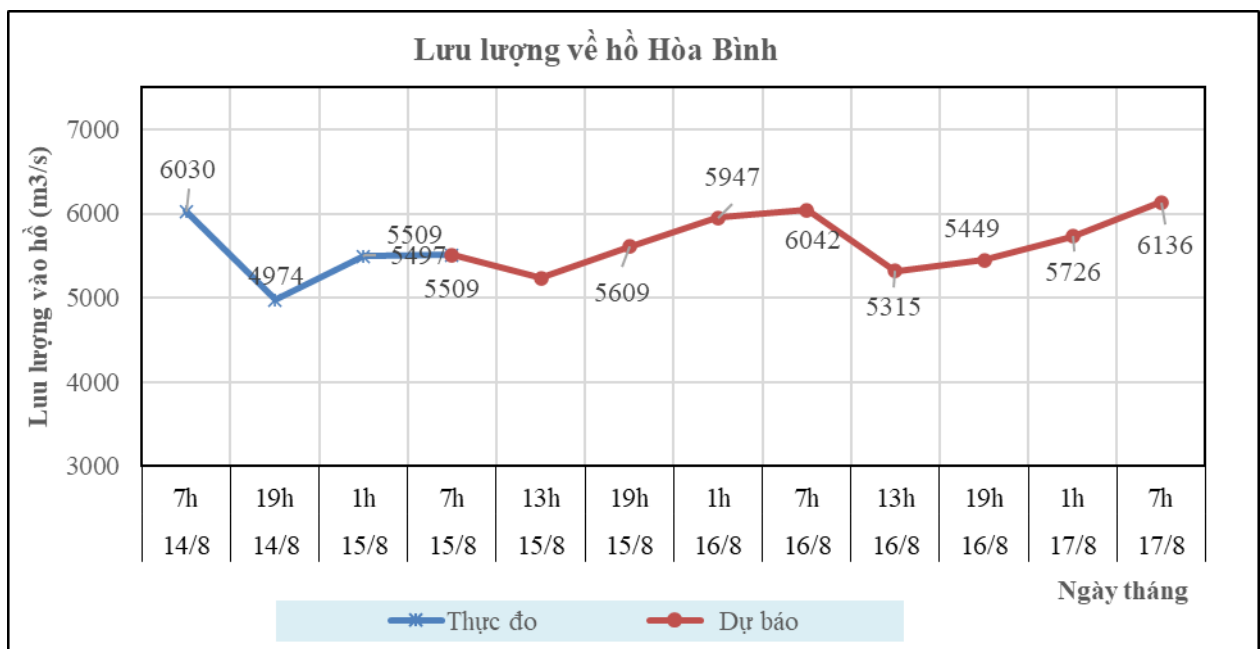
II.2. Hồ Hòa Bình

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

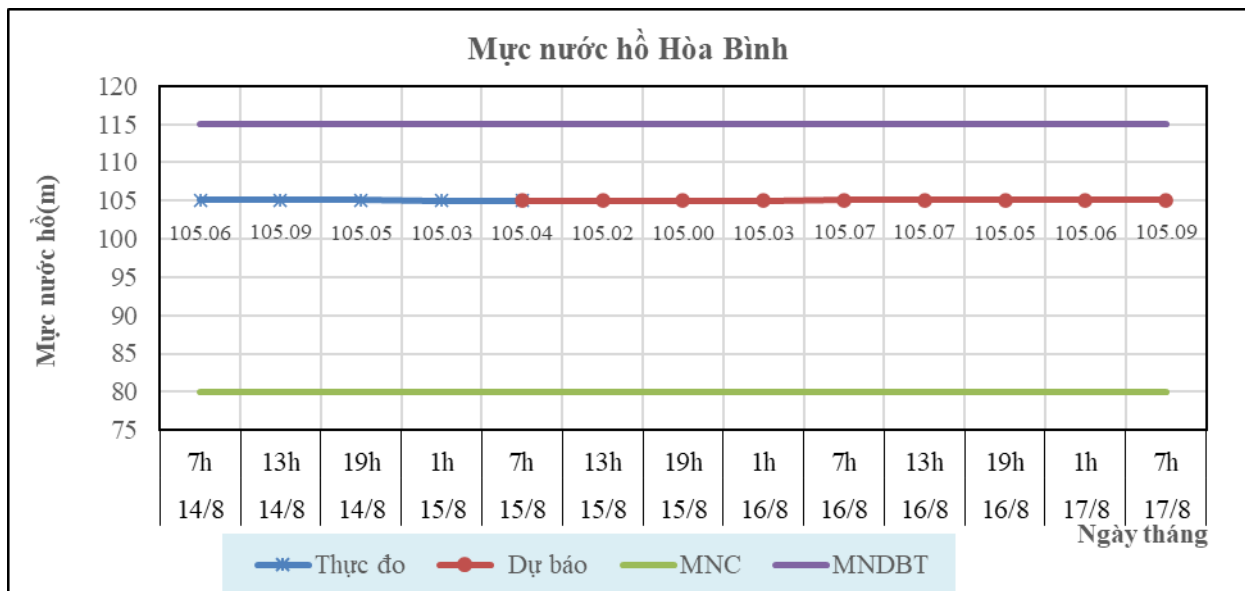
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 15/08/2025 đạt $5509\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 105,04m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $6042\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 105,07m, 48h tới lưu lượng đạt $6136\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 105,09m.



Hình 7: Lưu lượng hồ Hòa Bình



Hình 8: Mức nước hồ Hòa Bình

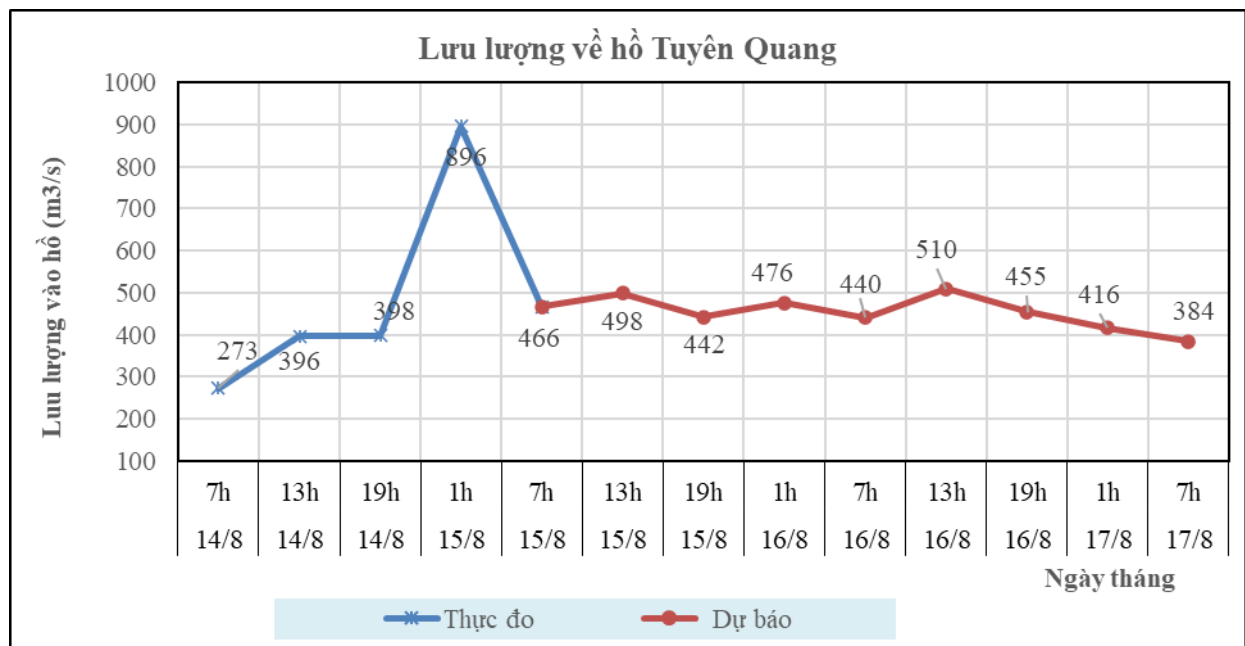
II.3. Hồ Tuyên Quang

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

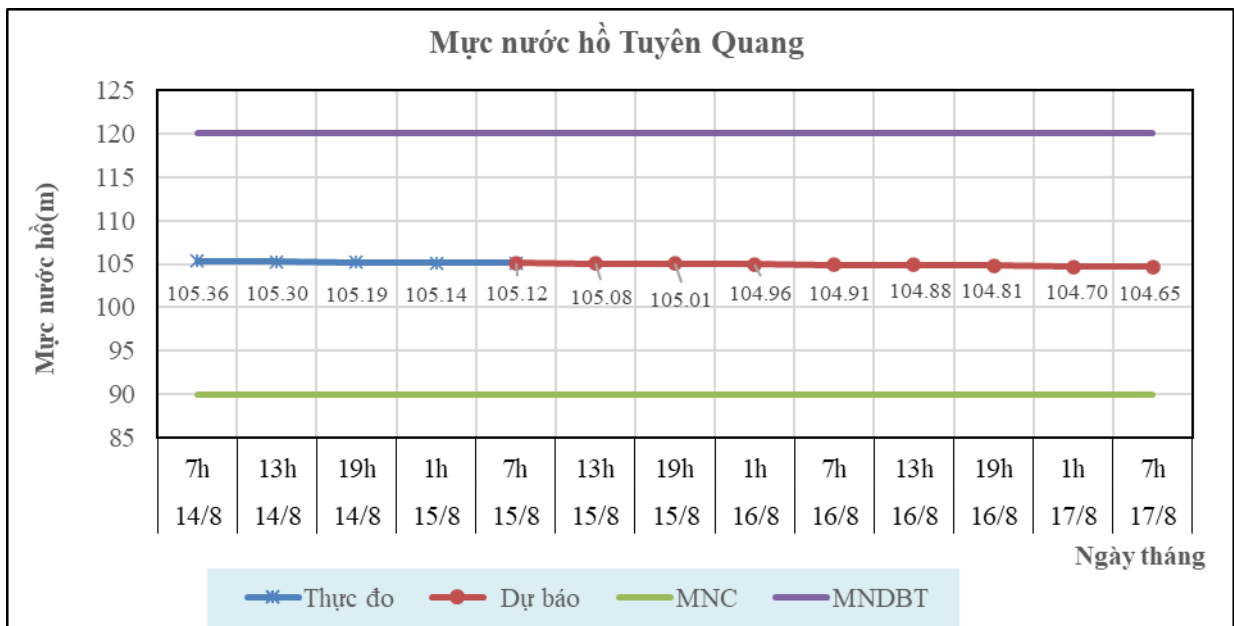
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 15/08/2025 đạt $466\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 105,12m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế giảm

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $440\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 104,91m, 48h tới lưu lượng đạt $384\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 104,65m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Tuyên Quang



Hình 10: Mức nước hồ Tuyên Quang

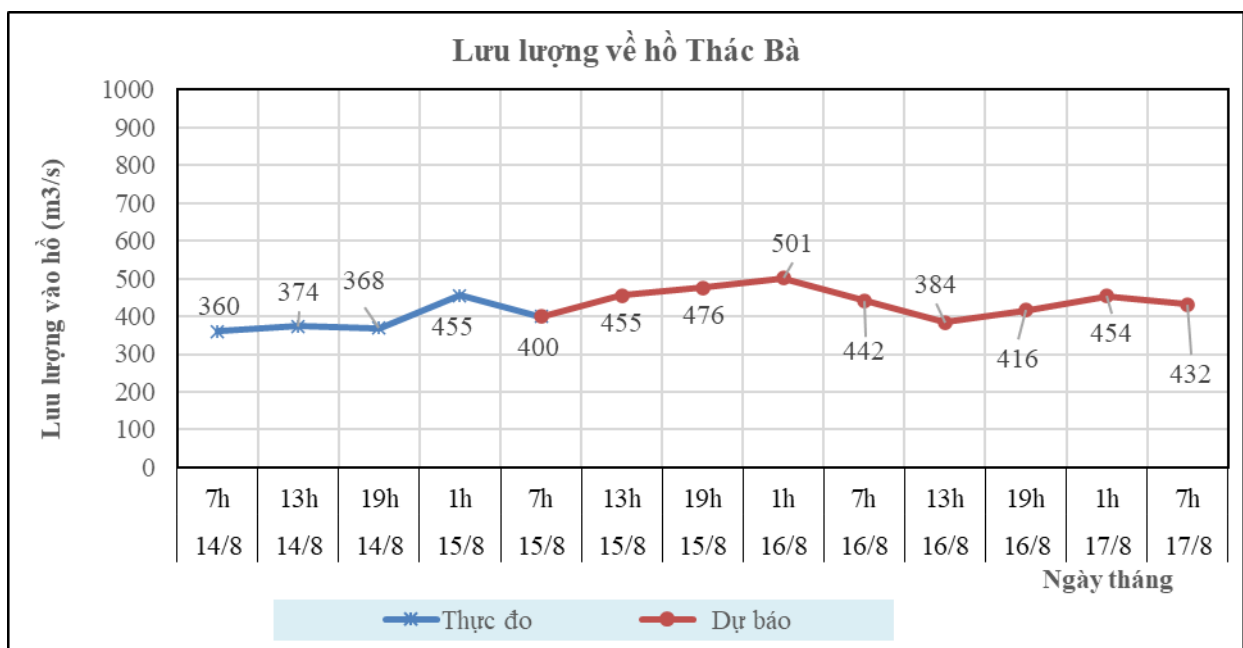
II.4. Hồ Thác Bà

a. Diễn biến lưu lượng, mực nước hồ

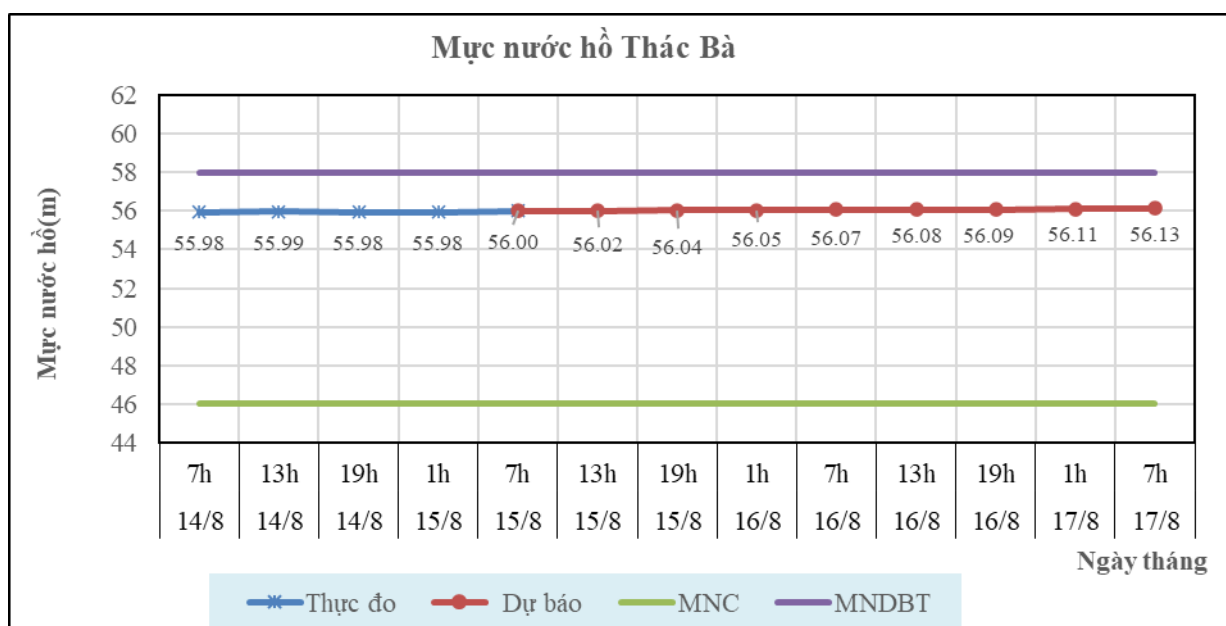
Lưu lượng hồ thực đo lúc 7h ngày 15/08/2025 đạt $400\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ đạt 56m, lưu lượng có xu thế biến đổi, mực nước có xu thế biến đổi.

b. Dự báo, cảnh báo

Lưu lượng dự báo trong 24h tới đạt $442\text{m}^3/\text{s}$, mực nước hồ 56,07m, 48h tới lưu lượng đạt $432\text{m}^3/\text{s}$, mực nước đạt 56,13m.



Hình 9: Lưu lượng hồ Thác Bà



Hình 10: Mức nước hồ Thác Bà

III. TƯ VẤN VẬN HÀNH HỆ THỐNG HỒ CHỨA

Theo hiện trạng hồ chứa, tình hình thời tiết và xu thế lũ, Viện KH KTTV & BDKH kiến nghị thực hiện vận hành hệ thống chi tiết trong Bảng 1.

Bảng 1: Tư vấn vận hành hệ thống hồ chứa trên lưu vực sông Hồng – Thái Bình

ST T	Ngày	Giờ	Hồ Sơn La					Hồ Hòa Bình					Hồ Tuyên Quang					Hồ Thác Bà				
			Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)	Số cửa xả đáy	Số cửa xả mặt	Lưu lượng về hồ (m ³ /s)	Lưu lượng xả (m ³ /s)	Mức nước hồ (m)
1	8/15/2025	13h	1	0	3105	4850	199.40	2	0	5236	5510	105.02	0	0	498	728	105.08	0	0	455	440	56.02
2		19h	1	0	3054	4800	199.21	2	0	5609	5515	105.00	0	0	442	725	105.01	0	0	476	439	56.04
3	8/16/2025	1h	1	0	3127	4820	199.03	2	0	5947	5480	105.03	0	0	476	720	104.96	0	0	501	437	56.05
4		7h	1	0	3086	4790	198.90	2	0	6042	5475	105.07	0	0	440	520	104.91	0	0	442	0	56.07
5		13h	1	0	3142	4780	198.74	2	0	5315	5525	105.07	0	0	510	734	104.88	0	0	384	435	56.08
6		19h	1	0	3110	4800	198.51	2	0	5449	5490	105.05	0	0	455	735	104.81	0	0	416	411	56.09
7	8/17/2025	1h	1	0	3055	4810	198.32	2	0	5726	5480	105.06	0	0	416	736	104.70	0	0	454	425	56.11
8		7h	1	0	3097	4795	198.13	2	0	6136	5490	105.09	0	0	384	480	104.65	0	0	432	0	56.13